

Số: *108* /BC-STP

Tuyên Quang, ngày *02* tháng *6* năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 743/SNN-QBV&PTR ngày 20/5/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang năm 2020 (*dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*), sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (*viết tắt là Nghị định số 156/2018/NĐ-CP*);
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*);
- Văn bản số 1085/UBND-NLN ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh về việc xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Một số văn bản pháp luật có liên quan.

**II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)**

**1. Điều 2 (Đối tượng áp dụng)**, đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là “*Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tạm ứng, chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”.

**2. Điều 3 (Tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng) quy định:**

*“1. Số lần tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng:*



a) Thời gian tạm ứng lần 1: Sau ngày 15 tháng 2 năm kế hoạch.

b) Thời gian tạm ứng lần 2: Sau ngày 20 tháng 9 năm kế hoạch.

2. Tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng:

a) Tạm ứng lần 1 tối đa 25% số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

b) Tạm ứng lần 2 tối đa 45% số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm”.

- Tên Điều 3, đề nghị chỉnh sửa tên Điều thành “Số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng”, để đảm bảo đầy đủ, rõ ràng.

- Khoản 1, tiêu đề Khoản này quy định “Số lần tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng” nhưng nội dung quy định “thời gian tạm ứng” là chưa thống nhất.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc việc quy định cố định thời gian tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng (lần 1: sau ngày 15/2 năm kế hoạch; lần 2: sau ngày 20/9 năm kế hoạch), vì thời gian tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng phụ thuộc vào kế hoạch thu, chi được phê duyệt hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP<sup>1</sup>.

- Điều 3 dự thảo Quyết định chưa tính đến trường hợp bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng, hộ gia đình, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trong năm chỉ thực hiện 01 lần tạm ứng và thực hiện tạm ứng sau ngày 20/9 năm kế hoạch (không thực hiện tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng lần 1: sau ngày 15/2 năm kế hoạch), như vậy trong trường hợp này được xác định là tạm ứng “lần 1” hay tạm ứng “lần 2”, áp dụng tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng như thế nào? vì theo khoản 2 Điều này dự thảo Quyết định thì tỷ lệ tạm ứng giữa 02 lần là khác nhau (lần 1: tối đa 25%, lần 2: tối đa 45%).

Ngoài ra, để giải quyết vấn đề nêu trên, đề nghị nghiên cứu, tham khảo ý kiến tham gia của Sở Tài chính tại Công văn số 523/STC-TCDN ngày 10/4/2020.

### 3. Điều 4 (Tổ chức thực hiện)

Điểm a Điều này dự thảo Quyết định quy định lại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, điểm b Điều này dự thảo Quyết định quy định lại điểm b khoản 1 Điều 72 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP là chưa đảm bảo phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 “Văn bản quy phạm pháp luật ... không quy định lại các nội dung đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác”, vì vậy đề nghị bỏ cho phù hợp.

---

<sup>1</sup> Khoản 1 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng như sau: “Căn cứ kế hoạch thu, chi được phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng và chi cho các đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ chi trả. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng”.

#### 4. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo

Đề nghị rà soát chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, lưu ý trình bày địa chỉ nơi nhận theo thứ tự pháp lý; bổ sung địa chỉ nơi nhận là “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*”, chỉnh sửa địa chỉ nơi nhận từ “*Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp*” thành “*Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật- Bộ Tư pháp*”, sửa địa chỉ “*Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” thành “*Vụ Pháp chế- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*”; chỉnh sửa kỹ thuật đánh số trang văn bản;...

#### III. KẾT LUẬN

Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Phần II Báo cáo thẩm định này để hoàn chỉnh dự thảo Quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
  - Sở Nông nghiệp và PTNT;
  - Giám đốc Sở;
  - Trang TTĐT STP;
  - Lưu VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
- Loan.4b.



**Nguyễn Thị Thuộc**

